TRUNG TÂM KĐCLGD - ĐHQGHN
HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21 /NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Thủy lợi

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-KĐCL ngày 16/8/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-KĐCL ngày 28/02/2014 Ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và Quyết định số 153/QĐ-KĐCL ngày 06/11/2017 về việc điều chỉnh Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 309/QĐ-KĐCL ngày 16/8/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XI của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Thủy lợi, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XI ngày 07/9/2019 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Thủy lợi của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Thủy lợi theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy, số tiêu chí được đánh giá "đạt yêu cầu" là 43 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 86%, trong đó, mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá "đạt yêu cầu" (chi tiết trong *Phụ lục 1*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Thủy lợi, Khoa Kinh tế và Quản lý cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng trình độ đại học hệ chính quy (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Thủy lợi.

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD
CHỦ TỊCH

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

TS. Đinh Văn Toàn

Phụ lục 1.

Kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo

ngành Quản lý xây dựng trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Thủy lợi

(Kèm theo Nghị quyết số: 21 /NQ-HĐKĐCL ngày 09 tháng 9 năm 2019

của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	2	66,67
Tiêu chí 2.1	5			
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		4,20	5	100
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	4			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	5			
Tiêu chuẩn 6		4,14	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	5			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		3,60	3	60
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	3			
Tiêu chí 7.4	3			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,40	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	5			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 9		3,80	4	80
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		3,67	5	66,67
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	3			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	3			
Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Đánh giá chung CTĐT	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
	43	86%

Phụ lục 2.

Các kiến nghị cải tiến chất lượng đối với Chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Thủy lợi

(Kèm theo Nghị quyết số: 21 /NQ-HĐKĐCL ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng trình độ đại học hệ chính quy (CTĐT) của Trường Đại học Thủy lợi đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2014-2018 cho thấy Chương trình có những điểm mạnh như sau:

Mục tiêu của CTĐT cơ bản phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Nhà trường. Chuẩn đầu ra cụ thể hóa được các mục tiêu của CTĐT ; xác định rõ ràng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ người học cần đạt được khi hoàn thành CTĐT. Bản mô tả CTĐT được xây dựng có đầy đủ thông tin, được rà soát điều chỉnh và công bố công khai. Cấu trúc của chương trình dạy học khá lôgic, nội dung có tính kết nối giữa các khối kiến thức. Các hoạt động dạy và học được thiết kế khá đa dạng, thể hiện được triết lý giáo dục của Trường, của CTĐT, phù hợp với đặc thù của học phần và hướng tới đạt chuẩn đầu ra. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể, các hình thức đánh giá khá đa dạng, phù hợp, có cơ chế phản hồi kết quả kịp thời cho người học để cải thiện. Công tác phát triển đội ngũ giảng viên của CTĐT được chú trọng, được thực hiện theo kế hoạch; năng lực và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên được quản lý, giám sát và đánh giá khá chặt chẽ với các tiêu chí và quy trình cụ thể. Công tác tuyển sinh được thực hiện theo quy định; hệ thống theo dõi, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được thiết lập và vận hành; công tác tư vấn học tập, hướng nghiệp, hỗ trợ tài chính cho người học được chú trọng. Cơ sở vật chất phục vụ cho CTĐT được đáp ứng khá đầy đủ; hệ thống phòng thực hành thí nghiệm và các trang thiết bị được đầu tư đồng bộ; các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được đảm bảo. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được xây dựng, đã tiếp nhận được các ý kiến đóng góp cho một số các hoạt động; kết quả khảo sát được xử lý phân tích, bước đầu được sử dụng làm căn cứ cải tiến chất lượng. Kết quả đầu ra được xác lập và giám sát và đã có một số giải pháp cải tiến nâng cao chất lượng; tỷ lệ việc làm của sinh viên đáp ứng yêu cầu.

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

(1) Cần tăng cường tham khảo ý kiến của các nhà sử dụng lao động, các doanh nghiệp, thông qua Hội đồng Khoa và Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường để rà soát, hoàn thiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT cho hoàn toàn phù hợp với Bậc 6 Khung trình độ quốc gia Việt Nam; cụ thể hoá mục tiêu và chuẩn đầu ra theo các nhóm lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế, quản lý. Đồng thời, đa dạng hóa các hình thức phổ biến mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT tới các bên liên quan.

(2) Cần rà soát, hoàn thiện hệ thống đề cương chi tiết các học phần, cập nhật đầy đủ mục tiêu, học phần tiên quyết, xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá hướng tới đạt được chuẩn đầu ra. Đồng thời, nghiên cứu đa dạng hóa các hình thức phổ biến công khai Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần tới các bên liên quan, khảo sát mức độ nắm bắt được các thông tin để có biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng.

(3) Cần rà soát, phân tích chi tiết mức độ đóng góp của từng học phần vào đạt chuẩn đầu ra; bổ sung một số học phần tự chọn cho các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành; chuyển một số học phần tự chọn thành bắt buộc, xây dựng các hệ thống bài tập lớn cho ngành; tăng thời lượng thực hành, thực tập, trải nghiệm cho sinh viên; xem xét xác định tên các học phần theo thông lệ chung, tương thích với tên học phần của các trường đại học trong và ngoài nước, đặc biệt là phù hợp hệ thống công nhận tín chỉ giữa các trường đại học trong khu vực Đông Nam Á (AUN-ATCS).

(4) Cần tăng cường các hình thức phổ biến, quán triệt triết lý giáo dục của Trường và của ngành để cán bộ, giảng viên, sinh viên nắm bắt và chuyển tải được vào trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học; xây dựng các hệ thống chính sách, cơ chế khuyến khích, tạo động lực cho người dạy và người học; có các giải pháp đổi mới hoạt động giảng dạy, tăng cường thời lượng thực hành, thực tập, các hình thức kiểm tra đánh giá tương ứng; áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, tăng cường các hoạt động nhằm nâng cao khả năng tự chủ, tự học, học tập suốt đời của người học. Đồng thời, có giải pháp khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học; xây dựng các nhóm hỗ trợ học tập; có giải pháp theo dõi từng sinh viên, quản lý quá trình dạy và học; đánh giá, tổng hợp, phân tích ý kiến của người học và làm cơ sở cho đổi mới hoạt động giảng dạy của giảng viên.

(5) Cần hoàn thiện hệ thống quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, có hướng dẫn cụ thể nhất là đối với đánh giá quá trình và kết thúc học phần; sớm đầu tư xây dựng và áp dụng ngân hàng đề thi; đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá, rà soát nội dung các đề thi phù hợp với mục tiêu của các môn học/ học phần; khảo sát lấy ý kiến phản hồi và thực hiện phân tích, đánh giá độ tin cậy, giá trị và công bằng của các đề thi; đánh giá hiệu quả của các phương pháp đánh giá, mức độ phù hợp với các hình thức dạy - học và khả năng đo lường mức độ người học đạt được chuẩn đầu ra.

(6) Cần thực hiện công tác quản trị đội ngũ giảng viên theo hướng tiếp cận năng lực, đảm bảo cân bằng giữa khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học; sớm hoàn thiện khung năng lực và mức năng lực của giảng viên theo vị trí việc làm; xây dựng và triển khai đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ theo các chỉ số KPI; có quy định quy đổi các hoạt động nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và hoạt động khác sang giờ chuẩn. Đồng thời, có giải pháp đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, nhất là các nghiên cứu mang tính liên ngành, ứng dụng cao theo hướng thương mại hóa gắn với phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tăng cường liên kết với các đơn vị nghiên cứu trong Trường và doanh nghiệp trong các hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

(7) Cần áp dụng triệt để phương thức quản trị hệ thống, quản trị theo năng lực, theo kết quả đầu ra đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT: hoàn thiện quy trình lập, giao nhiệm vụ và theo dõi giám sát, đánh giá hiệu quả công việc; việc quản trị cần thực hiện theo kết quả cần đạt được theo yêu cầu định hướng phát triển và cập nhật đổi mới của CTĐT và theo kết quả nhóm công việc cốt lõi, có tính thường xuyên, công việc đột xuất đã được thực hiện. Chú trọng hơn nữa công tác bồi dưỡng, phát triển nghiệp vụ, nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ nhân viên theo nhu cầu của cán bộ và vị trí việc làm, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch dài và trung hạn đào tạo bồi dưỡng cán bộ cho phù hợp, khả thi.

(8) Cần khảo sát, phân tích làm rõ nguyên nhân thôi học, tốt nghiệp muộn của sinh viên từ đó có các giải pháp hỗ trợ tổng thể; tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên nhằm giúp sinh viên phát triển các kỹ năng và khả năng học tập suốt đời; có chính sách, biện pháp tăng cường tư vấn về học thuật và kế hoạch học tập của đội ngũ cố vấn học tập; rà soát, đánh giá hiệu quả và chất lượng các hoạt động ngoại khoá, câu lạc bộ... trong việc hỗ trợ, tăng

cường thể chất cũng như phát triển các kỹ năng mềm cho sinh viên; xây dựng bộ phận tư vấn tâm lý học đường để trợ giúp các sinh viên có nhu cầu.

(9) Cần tăng cường đầu tư cho thư viện điện tử và đáp ứng nguồn học liệu cần thiết theo yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của ngành đào tạo từ các nguồn Sciencedirect, IEEE, ACM, Springer, Taylor & Francis,...; nâng cấp hệ thống wifi, nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý lớp học và hệ thống học trực tuyến. Đồng thời, quan tâm đến hệ thống đi lại, sinh hoạt cho người khuyết tật và quy hoạch lại khu học xá để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng và có chính sách sử dụng hợp lý, lấy người học, người dạy, người nghiên cứu làm trung tâm để phục vụ.

(10) Cần có quy trình phân tích, đối sánh, lựa chọn và sử dụng kết quả phản hồi của các bên liên quan một cách khoa học hơn trong quá trình phát triển chương trình dạy học; giám sát chặt chẽ việc áp dụng quy trình cải tiến; tham chiếu đến các dự báo nguồn nhân lực theo lĩnh vực, ngành nghề; tích hợp các kỹ năng giáo dục 4.0, kỹ năng của thế kỷ 21, và kỹ năng học tập suốt đời vào chuẩn đầu ra, chương trình dạy học, hoạt động đào tạo chính khóa và ngoại khóa; nghiên cứu cải tiến quá trình dạy - học - đánh giá để đảm bảo sự tương thích hướng đến khả năng đạt được chuẩn đầu ra. Đồng thời, xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, ban hành quy định, quy hoạch mạng lưới đảm bảo chất lượng các cấp; thiết lập hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong có cấu trúc phân cấp, liên thông giữa các mảng dữ liệu, phân tách số liệu cho CTĐT.

(11) Cần cải tiến cách thức lập kế hoạch, giám sát và đối sánh thường xuyên để làm cơ sở cải thiện tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp đúng hạn, và tạo việc làm, năng lực hội nhập của sinh viên tốt nghiệp, năng lực và kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức phục vụ xã hội, tăng mức độ hài lòng của tất cả các bên liên quan; nghiên cứu điều chỉnh CTĐT phù hợp với thay đổi của nhu cầu thị trường lao động, nâng cao khả năng khởi nghiệp của người học, chú trọng nâng cao năng lực sáng tạo, tự học suốt đời, kỹ năng ngoại ngữ và các kỹ năng khác; xây dựng và thực hiện kế hoạch/chiến lược phát triển khoa học công nghệ trong đó xác lập được các loại hình nghiên cứu và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học cho người học tương thích với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, của Khoa và chuẩn đầu ra. Đồng thời, áp dụng sâu rộng quản trị đại học tiên tiến, kết hợp quản trị theo nguyên lý và theo quy định và chu trình PDCA trong xây dựng, phát triển, thực hiện và cải tiến CTĐT cũng như phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ quản lý và hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo, phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT ngành Quản lý xây dựng trình độ đại học hệ chính quy gửi cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.